|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH BẾN TRE**  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** |
| Số: /TTr- UBND | *Bến Tre*, *ngày tháng năm 2024* |

|  |
| --- |
| **DỰ THẢO** |

**TỜ TRÌNH**

**Về việc thông qua Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Bến Tre**  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Kính gửi: Thường trực Hội đồng nhân nhân tỉnh.

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy đinh chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết về “Quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Bến Tre” như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN**

Ngày 22/4/2015, Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành Thông tư liên tịch số [55/2015/TTLT-BTC-BKHCN](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tai-chinh-nha-nuoc/Thong-tu-lien-tich-55-2015-TTLT-BTC-BKHCN-dinh-muc-du-toan-kinh-phi-khoa-hoc-cong-nghe-273180.aspx" \t "_blank) của hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước đã được cụ thể hóa bằng Quyết định số 19/2016/QĐ-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định về định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bến Tre

Ngày 10/01/2023, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10/01/2023 Quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và có hiệu lực từ ngày 26/02/2023, trong đó thay thế gần như toàn bộ các Điều, Khoản được quy định tại Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN và Khoản 3 Điều 14 của Thông tư số 27/2015/TT-BTC-BKHCN ngày 30/12/2015.

Như vậy, khi Thông tư số 03/2023/TT-BTC được ban hành và có hiệu lực thì các nội dung Quy định về định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bến Tre tại Quyết định số 19/2016/QĐ-UBND ngày 13/5/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ không còn tính pháp lý.

Bên cạnh đó, Thông tư 03/2023/TT-BTC quy định mức chi cho nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia (tối đa) nên các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở chưa thể áp dụng được. Mặc khác, tại Điều 2 của Thông tư 03/2023/TT-BTC có quy định: “Trong trường hợp cần thiết, căn cứ khả năng cân đối ngân sách và điều kiện cụ thể của từng địa phương, UBND cấp tỉnh trình HĐND cùng cấp quyết định bổ sung một số nội dung và mức chi ngoài các nội dung, định mức chi quy định tại Thông tư này để thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của địa phương đảm bảo hiệu quả, phù hợp với thực tế và theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn”.

Từ những lý do nêu trên, Sở Khoa học và Công nghệ nhận thấy cần thiết ban hành Quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Bến Tre theo quy định tại Thông tư 03/2023/TT-BTC và các quy định hiện hành là phù hợp với điều kiện và tình hình thực tế tại địa phương.

Vì vậy, việc xây dựng và trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét và ban hành Nghị quyết Quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Bến Tre đảm bảo phù hợp với các chủ trương, chính sách, cơ sở pháp lý liên quan là cần thiết.

**II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN**

**1. Mục đích ban hành văn bản**

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định định mức chi để có cơ sở pháp lý thực hiện việclập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Bến Tre

**2. Quan điểm xây dựng văn bản**

- Việc xây dựng văn bản phải đảm bảo trình tự, thủ tục theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Nội dung phải bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật, như:

+ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

+ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

+ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

+ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013;

+ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

+ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

+ Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

+ Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước.

- Đảm bảo phù hợp với điều kiện, khả năng ngân sách của địa phương.

**III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN**

Ngày 8/8/2024, Sở Khoa học và Công nghệ đã có văn bản số 1288/TTr-SKHCN về việc đăng ký nội dung trình tại kỳ họp giải quyết các công việc phát sinh, đột xuất của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Ngày 17/8/2024, UBND tỉnh đã thống nhất giao Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Bến Tre tại văn bản số 5336/UBNDT-TCĐT

Ngày…. , UBND tỉnh đã tổng hợp thông qua Danh mục ban hành Nghị quyết năm 2024 của HĐND tỉnh Bến Tre tại văn bản số ……./…… về việc đăng ký ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh tại các kỳ họp thường lệ năm 2024.

Theo đó, Sở Khoa học và Công nghệ đã xây dựng dự thảo Quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Bến Tregửi Văn phòng UBND tỉnh đăng tải toàn văn các Dự thảo lên Cổng Thông tin điện tử của tỉnh và gửi các sở, ngành, địa phương có ý kiến tại văn bản số ……/SKHCN-QLKH ngày ………..

Sau khi tiếp thu, chỉnh sửa, giải trình, Sở Khoa học và Công nghệ đã hoàn chỉnh dự thảo gửi Sở Tư pháp thẩm định tại văn bản số .... ngày.....

Ngày …. , Sở Khoa học và Công nghệ nhận được văn bản thẩm định số …. của Sở Tư pháp và đã hoàn chỉnh các dự thảo tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh.

**IV. NỘI DUNG CƠ BẢN**

Dự thảo Nghị quyết gồm 5 Điều:

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này Quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Bến Tre theo Điều 27, 28 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ và các chương trình, nhiệm vụ có sử dụng kinh phí sự nghiệp khoa học được triển khai trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

Các nội dung khác về định mức xây dựng dự toán ngân sách nhà nước thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ không quy định cụ thể tại Nghị quyết này được thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành.

2. Đối tượng áp dụng

Áp dụng đối với các cơ quan có thẩm quyền quản lý, phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ; các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

**Điều 2. Các khung định mức, nội dung chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

1. Dự toán chi thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ

a) Tiền thù lao cho các chức danh hoặc nhóm chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được tính theo số tháng quy đổi tham gia thực hiện nhiệm vụ. Trong đó:

Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh: định mức chi thù lao đối với chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ là không quá **28 triệu đồng/người/tháng**, thành viên chính và thư ký là không quá **22,4 triệu đồng/người/tháng**; Thành viên là không quá **18 triệu đồng/người/tháng**; Kỹ thuật viên và nhân viên hỗ trợ là không quá **14,4 triệu đồng/người/tháng**

Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở: định mức chi thù lao đối với chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ không quá **14 triệu đồng/người/tháng**, thành viên chính và thư ký là không quá **11,2 triệu đồng/người/tháng**; thành viên là không quá **9 triệu đồng/người/tháng**; Kỹ thuật viên và nhân viên hỗ trợ là **không quá 7,2 triệu đồng/người/tháng**

Chức danh thực hiện nhiệm vụ, hệ số lao động khoa học và dự toán chi thù lao của các chức danh được thực hiện theo quy định tại Điều 3, Điều 4 và Điều 5 của Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước *(sau đây viết là Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN)*.

b) Dự toán chi tiền công thuê lao động phổ thông được tính theo mức tiền lương tối thiểu vùng cao nhất tính theo ngày do Nhà nước quy định tại thời điểm xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (mức tiền công thuê theo ngày tính theo mức lương tháng chia cho 22 ngày).

c) Định mức chi thù lao, hệ số lao động khoa học và số tháng quy đổi cho các chức danh hoặc nhóm chức danh thực hiện nhiệm vụ KH&CN và chi tiền công thuê lao động phổ thông hỗ trợ các công việc trong nội dung nghiên cứu quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này là căn cứ để xây dựng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ. Trên cơ sở dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ được duyệt, đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN quyết định mức thanh toán tiền thù lao của các nhóm chức danh tham gia nhiệm vụ KH&CN và tiền công thuê lao động phổ thông (nếu có) phù hợp với thực tế triển khai thực hiện nhiệm vụ.

2. Dự toán thuê chuyên gia trong nước và ngoài nước phối hợp nghiên cứu

Dự toán thuê chuyên gia trong nước và ngoài nước phối hợp nghiên cứu thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệvà Điều 7 Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN.

a) Thuê chuyên gia trong nước

Trong trường hợp nhiệm vụ khoa học và công nghệ có nhu cầu thuê chuyên gia trong nước, tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia để thuyết minh rõ cho hội đồng tư vấn đánh giá xem xét, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nội dung công việc và dự toán thuê chuyên gia. Căn cứ lập dự toán chi thuê chuyên gia trong nước thực hiện theo mức lương quy định tại Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước. Mức dự toán thuê chuyên gia trong nước không vượt quá mức chi cho chủ nhiệm nhiệm vụ là **30.000.000 đồng/người/tháng** (22 ngày/1 tháng).

Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia trong nước không quá 30% tổng dự toán kinh phí chi tiền thù lao thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại khoản 1 Điều 2 Quy định này.

Trong trường hợp nhiệm vụ khoa học và công nghệ có tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia trong nước vượt quá 30.000.000 đồng/người/tháng hoặc vượt quá 30% tổng dự toán kinh phí chi thù lao tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại khoản 1 Điều 2 Quy định này, tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải giải trình cụ thể lý do để cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước xem xét, quyết định dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ.

b) Thuê chuyên gia ngoài nước

3. Dự toán chi mua vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu; chi sửa chữa, mua sắm tài sản cố định được xây dựng trên cơ sở thuyết minh dự kiến khối lượng công việc, chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước (nếu có). Việc mua sắm phải phù hợp với tiến độ của nhiệm vụ khoa học và công nghệ và trong phạm vi dự toán hằng năm: Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

4. Chi hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học, công tác phí trong nước, hợp tác quốc tế (đoàn ra, đoàn vào) phục vụ hoạt động nghiên cứu

Thực hiện theo các quy định tại Nghị quyết 20/2019/NQ-HĐND ngày 14 tháng 10 năm 2019 của Hội đồng nhân dân về việc Quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và chế độ chi tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Bến Tre[[1]](#footnote-1). Ngoài ra, Nghị quyết này quy định mức xây dựng dự toán chi thù lao tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học như sau:

*Đơn vị tính: 1.000 đồng*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung công việc** | **Đơn vị tính** | **Định mức áp dụng** | **Quy mô nhiệm vụ** |
| 1 | Người chủ trì | Buổi hội thảo | 1.400 | - Cấp tỉnh |
| 700 | * Cấp cơ sở |
| 2 | Thư ký hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học | Buổi | 350 | - Cấp tỉnh |
| 175 | - Cấp cơ sở |
| 3 | Báo cáo viên trình bày tại hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học | Báo cáo | 2.100 | - Cấp tỉnh |
| 1.050 | - Cấp cơ sở |
| 4 | Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đặt hàng nhưng không trình bày tại hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học | Báo cáo | 1.050 | - Cấp tỉnh |
| 525 | - Cấp cơ sở |
| 5 | Thành viên tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học | Thành viên/buổi | 210 | - Cấp tỉnh |
| 105 | * Cấp cơ sở |

5. Dự toán chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu được thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 06/2017/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre về việc quy định nội dung và mức chi thực hiện các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh Bến Tre[[2]](#footnote-2).

6. Dự toán chi họp Hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (nếu có), được xây dựng trên cơ sở số lượng thành viên tham gia đánh giá với mức chi không quá 50% mức chi cho hội đồng nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ được quy định tại điểm a khoản 1, Điều 3 Nghị quyết này.

7. Dự toán chi quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước được dự toán các nội dung chi quản lý chung phục vụ nhiệm vụ khoa học và công nghệ để đảm bảo triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ tại tổ chức chủ trì. Dự toán kinh phí quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ bằng 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước nhưng tối đa không quá **210 triệu đồng/nhiệm vụ** đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và không quá **105 triệu đồng/nhiệm v**ụ đối với nhiệm vục khoa học và công nghệ cấp cơ sở

8. Các khoản chi khác liên quan đến triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (nếu có): Thực hiện dự toán theo thuyết minh hoặc theo các quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước (nếu có), thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được phê duyệt.

**Điều 3. Các nội dung chi cho công tác quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

**Điều 4. Một số định mức chi quản lý nhiệm vụ nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

1. Chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ

a) Chi tiền thù lao

*Đơn vị tính: 1.000 đồng*

| **STT** | **Nội dung công việc** | **Đơn vị tính** | **Định mức** | **Quy mô nhiệm vụ** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | **Chi tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ** | | | |
| a | Chi họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ | Hội đồng |  |  |
|  | Chủ tịch hội đồng |  | 1.050 | - Cấp tỉnh |
| 525 | * Cấp cơ sở |
|  | Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng |  | 700 | - Cấp tỉnh |
| 350 | - Cấp cơ sở |
|  | Thư ký khoa học |  | 210 | - Cấp tỉnh |
| 105 | - Cấp cơ sở |
|  | Thư ký hành chính |  | 210 | - Cấp tỉnh |
| 105 | - Cấp cơ sở |
|  | Đại biểu được mời tham dự |  | 140 | - Cấp tỉnh |
| 70 | - Cấp cơ sở |
| b | Chi nhận xét đánh giá | 01 phiếu nhận xét đánh giá |  |  |
|  | Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng |  | 350 | - Cấp tỉnh |
| 175 | - Cấp cơ sở |
|  | Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng |  | 490 | - Cấp tỉnh |
| 245 | - Cấp cơ sở |
| c | Chi thù lao xây dựng yêu cầu đặt hàng đối với các nhiệm vụ đề xuất thực hiện | Nhiệm vụ |  |  |
|  | Chủ tịch hội đồng |  | 490 | - Cấp tỉnh |
| 245 | - Cấp cơ sở |
|  | Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng |  | 350 | - Cấp tỉnh |
| 175 | - Cấp cơ sở |
| **2** | **Chi về tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ** | | | |
| a | Chi họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ | Hội đồng |  |  |
|  | Chủ tịch Hội đồng |  | 1.260 | - Cấp tỉnh |
| 630 | - Cấp cơ sở |
|  | Phó chủ tịch hội đồng; thành viên Hội đồng |  | 1.050 | - Cấp tỉnh |
| 525 | - Cấp cơ sở |
|  | Thư ký khoa học |  | 210 | - Cấp tỉnh |
| 105 | - Cấp cơ sở |
|  | Thư ký hành chính |  | 210 | - Cấp tỉnh |
| 105 | - Cấp cơ sở |
|  | Đại biểu được mời tham dự |  | 140 | - Cấp tỉnh |
| 70 | - Cấp cơ sở |
| b | Chi nhận xét đánh giá | 01 phiếu nhận xét đánh giá |  |  |
|  | Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng |  | 490 | - Cấp tỉnh |
| 245 | - Cấp cơ sở |
|  | Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng |  | 700 | - Cấp tỉnh |
| 350 | - Cấp cơ sở |
| **3** | **Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ** | | | |
| a | Chi họp Hội đồng nghiệm thu | Nhiệm vụ |  |  |
|  | Chủ tịch hội đồng |  | 1.260 | - Cấp tỉnh |
| 630 | - Cấp cơ sở |
|  | Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng |  | 1.050 | - Cấp tỉnh |
| 525 | - Cấp cơ sở |
|  | Thư ký khoa học |  | 210 | - Cấp tỉnh |
| 105 | - Cấp cơ sở |
|  | Thư ký hành chính |  | 210 | - Cấp tỉnh |
| 105 | - Cấp cơ sở |
|  | Đại biểu được mời tham dự |  | 140 | - Cấp tỉnh |
| 70 | - Cấp cơ sở |
| b | Chi nhận xét đánh giá | 01 phiếu nhận xét đánh giá |  |  |
|  | Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng |  | 490 | - Cấp tỉnh |
| 245 | - Cấp cơ sở |
|  | Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng |  | 700 | - Cấp tỉnh |
| 350 | - Cấp cơ sở |
| **4** | **Chi thù lao chuyên gia xử lý các vấn đề kỹ thuật hỗ trợ cho hoạt động của Hội đồng** | Chuyên gia | 1.050 | - Cấp tỉnh |
| 525 | - Cấp cơ sở |

b) Dự toán chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn khác được quy định tại các Chính sách, quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của tỉnh (nếu có) được áp dụng tối đa bằng 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu cấp tỉnh quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

c) Các nội dung chi khác được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định hiện hành của pháp luật (nếu có).

2. Chi hoạt động của tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

a) Chi tiền thù lao:

*Đơn vị tính: 1.000 đồng*

| **STT** | **Nội dung** | **Đơn vị tính** | **Định mức** | **Quy mô nhiệm vụ** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Tổ trưởng tổ thẩm định | Nhiệm vụ | 700 | - Cấp tỉnh |
| 350 | - Cấp cơ sở |
| 2 | Thành viên tổ thẩm định | Nhiệm vụ | 490 | - Cấp tỉnh |
| 245 | - Cấp cơ sở |
| 3 | Thư ký hành chính | Nhiệm vụ | 210 | - Cấp tỉnh |
| 105 | - Cấp cơ sở |
| 4 | Đại biểu được mời tham dự | Nhiệm vụ | 140 | - Cấp tỉnh |
| 70 | - Cấp cơ sở |

b) Chi hậu cần phục vụ hoạt động của tổ thẩm định được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định hiện hành của pháp luật.

3. Định mức dự toán chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập

4. Chi thông báo tuyển chọn trên các phương tiện truyền thông (báo giấy, báo hình, báo điện tử và các phương tiện truyền thông khác): Thực hiện theo quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước (nếu có), thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

5. Dự toán chi công tác kiểm tra, đánh giá trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; kiểm tra, đánh giá sau khi giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ

6. Chi hội nghị, hội thảo khoa học phục vụ công tác quản lý nhiệm vụ, chương trình khoa học và công nghệ (nếu có) thực hiện theo quy định đối với dự toán chi hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học phục vụ hoạt động nghiên cứu quy định tại khoản 4 Điều 2 Nghị quyết này.

7. Đối với các Chương trình khoa học và công nghệ cấp tỉnh có thành lập các Ban Chủ nhiệm chương trình theo Quyết định của tỉnh: Mức chi các cuộc họp định kỳ và đột xuất của Ban Chủ nhiệm áp dụng theo mức chi của Hội đồng tư vấn tuyển chọn hoặc giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

8. Các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến hoạt động quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định hiện hành của pháp luật.

**Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện**

1. Nguồn kinh phí chi thường xuyên cho lĩnh vực khoa học và công nghệ do ngân sách nhà nước đảm bảo (kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ).

2. Nguồn kinh phí hỗ trợ, đóng góp của các tổ chức, cá nhân khác thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật.

3. Nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 6. Điều khoản chuyển tiếp**

1. Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước khi Quy định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục áp dụng theo các quy định tại thời điểm phê duyệt nhiệm vụ cho đến khi kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ.

2. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

*(Đính kèm dự thảo Nghị quyết và các văn bản, tài liệu có liên quan)*

**V. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH THÔNG QUA VĂN BẢN**

Dự kiến trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại kỳ họp đột xuất tháng 10 năm 2024.

Trên đây là Tờ trình đề nghị xây dựng Nghị quyết lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Bến Tre, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên (kèm hồ sơ);  - CT, các PCT UBND tỉnh;  - Chánh, các PCVP UBND tỉnh;  - Sở KH&CN;  - Phòng: KT, TH, TCĐT, KGVX;  - Lưu: VT. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  **CHỦ TỊCH** |

1. Quyết định 19 là các Văn bản này (Nghị quyết 06/2010/NQ-HĐND ngày 27 tháng 7 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre về việc quy định chế độ chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài vào làm việc trên địa bàn tỉnh, chi tiêu các hội nghị, hội thảo quốc tế do tỉnh tổ chức và Nghị quyết 10/2010/NQ-HĐND ngày 17 tháng 11 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre về việc quy định tiếp khách trong nước, chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan Nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập) hiện nay các VB này được thay thế bằng Nghị quyết 20/2019/NQ-HĐND [↑](#footnote-ref-1)
2. Quy định 19 là Thông tư số 58/2011/TT-BTC ngày 11 tháng 5 năm 2011 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê. Hiện nay Thông tư này được thay thế bởi Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, tổng điều tra thống kê quốc gia [↑](#footnote-ref-2)